SỞ Y TẾ TP HẢI PHÒNG
BỆNH VIỆN NHI HẢI DƯƠNG

Số: 698 /QĐ-BVNHD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 22 tháng 09 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: "Cung ứng thuốc Generic phục vụ công tác chuyên môn tại Bệnh viện Nhi Hải Dương quý III năm 2026"

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN NHI HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 20/2022/TT-BYT ngày 31/12/2022 của Bộ Y tế về việc ban hành danh mục thuốc và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc Hóa Dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BYT ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ y tế ban hành danh mục thuốc có ít nhất 3 hãng trong nước sản xuất trên dây truyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Bộ y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp;

Căn cứ Thông tư 04/2024/TT-BYT ngày 20 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia đối với thuốc;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục thuốc, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế được áp dụng hình thức đàm phán giá và quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Hợp đồng khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế năm 2026 số 11/HĐKCB-BHYT ngày 01/04/2026 giữa Bệnh viện Nhi Hải Dương và Bảo hiểm xã hội cơ sở Gia Lộc;

Căn cứ công văn số 8279/SYT-NVD ngày 25/7/2026 của Sở Y tế thành phố Hải Phòng về việc tăng cường công tác bảo đảm cung ứng thuốc phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thuốc & Điều trị ngày 17/8/2026;

Căn cứ Biên bản họp của Tổ xây dựng giá kế hoạch ngày 17/09/2026 về việc xây dựng giá kế hoạch các gói thầu "Cung ứng thuốc Generic phục vụ công tác chuyên môn tại Bệnh viện Nhi Hải Dương quý III năm 2026";

Căn cứ Dự toán kinh phí gói thầu "Cung ứng thuốc Generic phục vụ công tác chuyên môn tại Bệnh viện Nhi Hải Dương quý III năm 2026" ngày 17/09/2026 của Phòng Tài chính – Kế toán và Khoa Dược;

Căn cứ Quyết định số: 697/QĐ-BVNHD ngày 22/09/2026 về việc phê duyệt tổng dự toán kinh phí gói thầu: "Cung ứng thuốc Generic phục vụ công tác chuyên môn tại Bệnh viện Nhi Hải Dương quý III năm 2026";

Căn cứ Tờ trình số 12/TTr-TCG ngày 22/09/2026 của Tổ chuyên gia về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: "Cung ứng thuốc Generic phục vụ công tác chuyên môn tại Bệnh viện Nhi Hải Dương quý III năm 2026";

Căn cứ Báo cáo thẩm định ngày 22/09/2026 của Tổ thẩm định về việc thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: "Cung ứng thuốc Generic phục vụ công tác chuyên môn tại Bệnh viện Nhi Hải Dương quý III năm 2026";

Theo đề nghị của Tổ chuyên gia, Tổ Thẩm định.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu "Cung ứng thuốc Generic phục vụ công tác chuyên môn tại Bệnh viện Nhi Hải Dương quý III năm 2026" *(nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Ông (Bà) Trưởng khoa Dược, Trưởng phòng Tài chính - kế toán và các đơn vị có liên quan có liên quan của Bệnh viện Nhi Hải Dương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Lưu:VT, K.Dược

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hải

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Gói thầu: "Cung ứng thuốc Generic phục vụ công tác chuyên môn tại Bệnh viện Nhi Hải Dương quý III năm 2026".

(Kèm theo Quyết định số:698 /QĐ-BVNHD ngày 22 /9/2026 của Bệnh viện Nhi Hải Dương)

TT	Chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (vnđ)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu								
1	Bệnh viện Nhi Hải Dương	"Cung ứng thuốc Generic phục vụ công tác chuyên môn tại Bệnh viện Nhi Hải Dương quý III năm 2026".	"Cung ứng thuốc Generic phục vụ công tác chuyên môn tại Bệnh viện Nhi Hải Dương quý III năm 2026".	**1.252.378.020**	Nguồn thu sự nghiệp của đơn vị	Chào giá trực tuyến rút gọn, trong nước, qua mạng	90 ngày	Tháng 9 năm 2026	Đơn giá cố định	Trong vòng 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.	Không
		Tổng cộng:		**1.252.378.020**							

DANH MỤC THUỐC

*(Kèm theo Quyết định số:*698 */QĐ-BVNHD ngày*22 *tháng 09 năm 2026 của Bệnh viện Nhi Hải Dương)*

STT	STT theo TT20	Tên hoạt chất	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế TT40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (có VAT)	Thành tiền (VND)
1	21	Propofol	1% (10mg/ml); 20ml	Tiêm hoặc tiêm truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	1	Chai/lọ/ống	700	45.000	31.500.000
2	108	Levocetirizin	0,5mg/ml (0,05% kl/tt), 30ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	4	Chai/lọ	4.000	32.000	128.000.000
3	116	Calci gluconat	95,5mg/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	2	Ống	100	14.600	1.460.000
4	153	Phenobarbital	10 mg	Uống	Viên	4	Viên	20.000	210	4.200.000
5	198	Ceftriaxon	2g	Tiêm	Thuốc tiêm	1	Chai/lọ	5.000	29.100	145.500.000
6	198	Ceftriaxon	2g	Tiêm	Thuốc tiêm	4	Chai/lọ	10.000	28.500	285.000.000
7	207	Piperacillin + Tazobactam	2g + 0,25g	Tiêm	Thuốc tiêm	2	Chai/Lọ	200	70.000	14.000.000
8	252	Colistin*	1.000.000 IU	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	1	Chai/Lọ	50	378.000	18.900.000
9	316	Hydroxychloroquine sulfate	200mg	Uống	Viên nén bao phim	2	Viên	2.000	4.480	8.960.000
10	355	Cyclophosphamid	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm	1	Chai/Lọ	10	146.552	1.465.520
11	472	Yếu tố VIII	500IU	Tiêm truyền	Thuốc tiêm đông khô	1	Chai/Hộp/ Lọ	100	1.840.000	184.000.000

STT	STT theo TT20	Tên hoạt chất	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế TT40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (có VAT)	Thành tiền (VND)
12	494	Amiodaron hydroclorid	50mg/ml; 3ml	Tiêm	Thuốc tiêm	4	Chai/lọ/ống	10	24.000	240.000
13	557	Milrinon	10mg/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	4	Chai/lọ/ống	10	115.500	1.155.000
14	694	Ondansetron	4mg/5ml; 5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	4	Ống/Gói	200	14.700	2.940.000
15	709	Lactulose	670 mg/ml; 7,5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	4	Ống/Gói	2.000	3.300	6.600.000
16	713	Monobasic natri phosphat + dibasic natri phosphat	(19g + 7g)/118ml, 133ml	Thụt hậu môn/ trực tràng	Thuốc thụt hậu môn/trực tràng	4	Chai/lọ	300	51.975	15.592.500
17	755	Methyl prednisolon	125mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	4	Chai/lọ	100	24.150	2.415.000
18	786	Insulin người, tác dụng nhanh, ngắn	40IU/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	5	Chai/lọ	100	91.000	9.100.000
19	960	Natri montelukast	4mg	Uống	Viên	1	Viên	5.000	7.350	36.750.000
20	962	Salbutamol sulfat	2,5mg/2,5ml	Đường hô hấp	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	4	Ống/lọ	20.000	4.410	88.200.000
21	968	Ambroxol hydrochlorid	30mg/10ml, 10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	1	Chai/lọ/ống	10.000	8.600	86.000.000
22	968	Ambroxol hydrochlorid	30mg/5ml; 100ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	2	Chai/Lọ	4.000	42.000	168.000.000

STT	STT theo TT20	Tên hoạt chất	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế TT40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (có VAT)	Thành tiền (VND)
23	1033	Cholecalciferol	15000 IU/ml; 10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	1	Chai/lọ	200	62.000	12.400.000
		Tổng: 23 khoản	*Số tiền bằng chữ: Một tỷ, hai trăm năm mươi hai triệu, ba trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm hai mươi đồng.*							**1.252.378.020**